

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC TOÀN THẮNG LỘC PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC TOÀN THẮNG LỘC PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400787924

3. Ngày thành lập: 13/01/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Liêm Xuyên, Xã Song Khê, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0912 329 186

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
2.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
3.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
4.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
5.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
6.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
7.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
8.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
9.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
10.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
11.	Đúc sắt, thép	2431
12.	Đúc kim loại màu	2432
13.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
14.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
15.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
16.	Trồng cây điều	0123
17.	Trồng cây hồ tiêu	0124
18.	Trồng cây cao su	0125
19.	Trồng cây cà phê	0126
20.	Trồng cây chè	0127
21.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
22.	Trồng cây lâu năm khác	0129

23.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
24.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
25.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
26.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
27.	Chăn nuôi lợn	0145
28.	Chăn nuôi gia cầm	0146
29.	Chăn nuôi khác	0149
30.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
31.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
32.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
33.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
34.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
35.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
36.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
37.	Khai thác gỗ	0221
38.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
39.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
40.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
41.	Khai thác thủy sản biển	0311
42.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
43.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
44.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
45.	Sản xuất giống thủy sản	0323
46.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
47.	Khai thác và thu gom than non	0520
48.	Khai thác dầu thô	0610
49.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
50.	Khai thác quặng sắt	0710
51.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
52.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
53.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
54.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
55.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
56.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
57.	Khai thác muối	0893
58.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
61.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200

62.	Sản xuất sợi	1311
63.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
64.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
65.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
66.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322(Chính)
67.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
68.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
69.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
70.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
71.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
72.	Vận tải đường ống	4940
73.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
74.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
75.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
76.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
77.	Vận tải hành khách hàng không	5110
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
82.	Bưu chính	5310
83.	Chuyển phát	5320
84.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
85.	Cơ sở lưu trú khác	5590
86.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
87.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
88.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
89.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
90.	Bán buôn tổng hợp	4690
91.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
92.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
93.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
94.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
95.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
96.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
97.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

98.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
99.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
100.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
101.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
102.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
103.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
104.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
105.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
106.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
107.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
108.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
109.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
110.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
111.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
112.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
113.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
114.	Hoạt động phát thanh	6010
115.	Hoạt động truyền hình	6021
116.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
117.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
118.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
119.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
120.	Hoạt động viễn thông khác	6190
121.	Lập trình máy vi tính	6201
122.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
123.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
124.	Cổng thông tin	6312
125.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
126.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091

127.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
128.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
129.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
130.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
131.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
132.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
133.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất túi siêu thị, các loại túi và bao bì bằng chất liệu thân thiện môi trường	3290
134.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
135.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
136.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
137.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
138.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
139.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
140.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
141.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
142.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
143.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
144.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
145.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
146.	Thu gom rác thải độc hại	3812
147.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
148.	Xây dựng nhà các loại	4100
149.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
150.	Xây dựng công trình công ích	4220
151.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
152.	Phá dỡ	4311
153.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
154.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
155.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
156.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
157.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
158.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
159.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
160.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513

161.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
162.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
163.	Bán mô tô, xe máy	4541
164.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
165.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
166.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
167.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
168.	Bán buôn gạo	4631
169.	Bán buôn thực phẩm	4632
170.	Bán buôn đồ uống	4633
171.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
172.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
173.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
174.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
175.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
176.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
177.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
178.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
179.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
180.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
181.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
182.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
183.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
184.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
185.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
186.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
187.	Vận tải bằng xe buýt	4920
188.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
189.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
190.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
191.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
192.	Dịch vụ đóng gói	8292
193.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

194.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
195.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
196.	Hoạt động thể thao khác	9319
197.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
198.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
199.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
200.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
201.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
202.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
203.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
204.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
205.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
206.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
207.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
208.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
209.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
210.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
211.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
212.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
213.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
214.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
215.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
216.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
217.	Cho thuê xe có động cơ	7710
218.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
219.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
220.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
221.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
222.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
223.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
224.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
225.	Đại lý du lịch	7911
226.	Điều hành tua du lịch	7912
227.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
228.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020

229.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
230.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
231.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
232.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
233.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
234.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Thôn Quang Biều, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	52,632	121580842	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	52,632		
2	NGÔ CẢNH THI	Số 62 đường Tiên Giang, Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	26,316	121082624	
			Tổng số	50.000	500.000.000	26,316		
3	NGUYỄN THANH HẢI	Số 01 ngõ 107 phố Phùng Hưng, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	21,053	013408260	
			Tổng số	40.000	400.000.000	21,053		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ TUYẾT

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 16/08/1962

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121580842

Ngày cấp: 22/05/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Quang Biểu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Quang Biểu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang